

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5-BẮC NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 92/2026/HNGĐ-ST
Ngày 20/5/2026
V/v Ly hôn, tranh chấp về con
chung khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – BẮC NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiếu;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tất Bấy, ông Nguyễn Việt Trung.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Văn Khiết – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Vương Văn Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 113/2026/TLST- HNGĐ, ngày 18 tháng 3 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* anh Lục Văn N, sinh năm 1998. Vắng mặt. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Số căn cước: 024098009959.

Nơi cư trú: Thôn T, xã N, tỉnh Bắc Ninh

- *Bị đơn:* chị Vi Thị H, sinh năm 2000. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: Thôn H, xã L, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày, các lời khai, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, anh Lục Văn N trình bày: Chị và chị Vi Thị H kết hôn với nhau năm 2019, trước khi kết hôn, chị và chị H có được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là xã N, tỉnh Bắc Ninh). Sau ngày cưới, chị H về chung sống với anh N ngay tại Thoon T, xã N. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Trong quá trình hôn nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau trong làm ăn phát triển kinh tế gia đình nên thường xảy ra cãi nhau. Mặc dù hai bên gia đình khuyên bảo

nhưng không có kết quả, anh và chị H đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2020 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chị Vi Thị H.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, anh và chị H có 01 con chung là cháu Lục Gia H1, sinh ngày 04/03/2019, hiện cháu đang sống cùng anh N, Ly hôn, anh có nguyện vọng để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H1.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Nợ chung của vợ chồng: Không có

Anh đề nghị Vắng mặt tại phiên tòa.

Tại bản tự khai ngày 16/4/2026, chị Vi Thị H khai: Chị và anh N kết hôn năm 2019 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là UBD xã N, tỉnh Bắc Ninh). Sau ngày cưới chị về chung sống với anh N ngay tại thôn T, xã N. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận.

Đến năm 2020, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, lối sống dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nay anh N đề nghị ly hôn, chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng nên chị nhất trí ly hôn với anh N.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị và anh N có 01 con chung là cháu Lục Gia H1, sinh ngày 04/03/2019, hiện cháu đang sống cùng anh N, Ly hôn, chị có nguyện vọng để anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H1. Chị xin vắng mặt tại phiên hội kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hào giải, vắng mặt tại phiên tòa.

Tòa án tiến hành hòa giải nhưng vắng mặt bị đơn.

.Tại phiên tòa. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của đương sự vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng, đầy đủ trình tự tại phiên tòa sơ thẩm.

Các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1, Điều 28,

Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự và Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật Tố tụng dân sự ; Điều 6, Điều 26; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Cho anh Lục Văn N và chị Vi Thị H được ly hôn.

Về con chung: Giao cho anh Lục Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Lục Gia H1, sinh ngày 04/03/2019. Chị H có quyền và nghĩa vụ thăm con chung không ai được cản trở.

Về án phí: anh Lục Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, anh Lục Văn N , chị Vi Thị H có đơn xin vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án là phù hợp với Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn cư trú tại xã N, bị đơn cư trú tại xã L, tỉnh Bắc Ninh, anh N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Tòa án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về Nội dung: anh Lục Văn N và chị Vi Thị H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L (nay là UBND xã N, tỉnh Bắc Ninh) ngày 30/12/2021. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị H là hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện của anh N, Hội đồng xét xử thấy: anh N xác định vợ chồng mâu thuẫn, đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2023 đến nay không còn tình nghĩa vợ chồng, không quan tâm đến nhau nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị H. Chị H có biết việc anh N đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn nhưng chị H không đến Tòa án làm việc tố mâu thuẫn vợ chồng giữa anh N và chị H đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh N, cho anh N được ly hôn chị H là có căn cứ, đúng quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: anh N và chị H có 01 con chung là cháu Lục Gia H1, sinh ngày 04/03/2019. Anh N có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung, chị H cũng có

nguyện vọng để anh N nuôi dưỡng con chung. Do vậy cần giao cho anh N nuôi dưỡng cháu H1 là phù hợp với Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh N không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Đương sự đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí, quyền kháng cáo: anh Lục Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm quy định tại điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của anh Lục Văn N.

1. Cho anh Lục Văn N được ly hôn với chị Vi Thị H.

2. Về con chung: Giao cho anh Lục Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Lục Gia H1, sinh ngày 04/03/2019 cho đến khi cháu H1 trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của Tòa án. Chị Vi Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Lục Văn N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002156 ngày 18/3/2026 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 – Bắc Ninh. Xác nhận anh N đã nộp đủ án phí.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 5 – Bắc Ninh;
- Phòng THADS khu vực 5 – Bắc Ninh;
- UBND xã Nam Dương, tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Hiếu